

1. Sự phủ định

- **Sự phủ định** là hiện tượng thêm “**not**” sau **Aux, to be, động từ khuyết thiếu**.
- Một số phó từ trong tiếng Anh mang nghĩa phủ định. Khi đã dùng nó thì trong câu không dùng câu tạo phủ định của động từ nữa.

✓ **Hardly, barely, scarcely = almost nothing/ almost not at all** = *hầu như không*.

✓ **Hardly ever, seldom, rarely = almost never** = *hầu như không bao giờ*.

Thai rarely comes to class on time. (Thái chẳng mấy khi đến lớp đúng giờ.)

Nam hardly studied last night. (Nam chẳng học gì tối qua.)

✓ **No longer ... = not ... anymore = not...any longer: không ... nữa**

He no longer studies at the university.

(Anh ấy không còn học đại học nữa)

We don't talk anymore.

(Chúng ta không nói chuyện nữa)

- Chú ý khi câu có **not** rồi, nếu có **adv** thì ta có thể thêm **adv** vào các vị trí đầu giữa cuối và nghĩa bổ sung tương tự như tiếng Việt, vị trí ở giữa trạng từ sẽ đặt sau **not**.

Ví dụ:

Actually, I don't know. (Thực sự tôi không biết.)

I actually don't know. (Tôi thực sự không biết.)

I don't actually know. (Tôi không thực sự biết.)

I don't know actually. (Tôi không biết thực sự.)

2. Hiện tượng đảo ngữ

- Hiện tượng đảo ngữ là **hiện tượng đảo ngược vị trí của trạng từ và Aux, to be, ĐTKT** lên trước chủ ngữ nhằm **mục đích nhấn mạnh**.

She hardly wakes up early. → Hardly does she wake up early.

- **Kỹ thuật đảo:** đưa trạng từ lên đầu câu, đảo Aux, to be, ĐTKT lên trước chủ ngữ như đảo để thành lập câu hỏi Yes/No question.

- **Đảo ngữ trong câu điều kiện:** (tham khảo)

✓ **Mục đích: Nhấn mạnh**

✓ **ĐKL 1:** Nếu trong câu có “**should**” thì phải đảo “**should**” lên đầu, không có “**should**” mượn “**should**” và bỏ “**if**”. (*lưu ý: khi mượn should động từ chính về nguyên mẫu*)

If he has the free time, he'll play tennis.

→ *Should he have the free time, he'll play tennis.*

If I have money, I will buy a new car.

→ *Should I have money, I will buy a new car.*

- ✓ **ĐKL 2:** Nếu trong câu có “**were**” đảo “**were**” lên đầu, không có “**were**” thì mượn “**were**” và dùng **to V** và bỏ “**If**”

If they were here, they would answer me.

→ *Were they here, they would answer me.*

If I learnt English, I would read English book.

→ *Were I to learnt English, I would read English book.*

- ✓ **ĐKL 3:** Đảo “**Had**” lên đầu câu và bỏ “**If**”

If Mary had studied hard, she would have passed the exam.

→ *Had Mary studied hard, she would have passed the exam.*

*** Tóm lại:

Câu điều kiện loại 1: dùng **Should** đảo ngữ

Câu điều kiện loại 2: dùng **Were** đảo ngữ

Câu điều kiện loại 3: dùng **Had** đảo ngữ

- ✓ **TH** dùng **Unless= If...not..** (Nếu không)

Unless you study hard, you won't pass the exams.

= *If you don't study hard, you won't pass the exams.*

3. Động từ khuyết thiếu:

Hiện tại	Quá khứ	Nghĩa	Cụm từ tương đương
<i>Can</i>	<i>Could</i>	Có thể	<i>Be able to</i>
<i>May</i>	<i>Might</i>	Có thể, xin phép	
<i>Will</i>	<i>Would</i>	Sẽ	
<i>Shall</i>	<i>Should</i>	Sẽ	

<i>Should/ Ought to / had better</i>		<i>Nên</i>	
<i>Must</i>		<i>Phải</i>	<i>Have to</i>

- ĐTKT là trợ động từ nên không được dùng như 1 động từ thường, không đứng 1 mình, phải đi cùng động từ chính của câu.

- Sau ĐTKT là động từ nguyên thể không chia theo ngôi và không “**to**”

She can speak English. Đúng *She cans speak English. Sai*

I can play football. Đúng *I can to play football. Sai*

- Hai động từ khuyết thiếu không đứng cạnh nhau, nếu có phải chuyển sang một dạng khác.

I will can do it. (Sai) → I will be able to do it. (Đúng)

I will must do my homework. (Sai) → I will have to do my homework. (Đúng)

- **Would you like sth/to do sth...?** : Diễn đạt lời mời lịch sự.

S + Would like sth/to do sth...: diễn đạt mong muốn một cách lịch sự.

Would you like to come with me? I'd like to come with you.

Would you like some coffee? Yes, please.

- **Must have P_H = chắc là đã, hẳn là đã (suy luận trong quá khứ)**

The grass is wet. It must have rained last night.

He is tired. He must have watched TV all day.

- **Should have P_H = lẽ ra nên (nên làm gì trong quá khứ)**

The children should have said “thank you” when you gave them gifts.